

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG (Phan Bội Châu)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: Phan Bội Châu (1867 - 1940)

- Là một người yêu nước, dành cuộc đời hoạt động cách mạng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- Là nhà thơ, nhà văn khơi nguồn cho loại văn chương trữ tình – chính trị.

2. Tác phẩm:

- Được đọc trong buổi chia tay với bạn bè lên đường sang Nhật Bản (1905)
- Tình hình chính trị trong nước đen tối, các phong trào yêu nước thất bại, ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản từ nước ngoài tràn vào.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đề: Chí làm trai

- Là đấng nam nhi phải sống cho ra sống, mong muốn làm nên điều phi thường hiển hách, dám mưu đồ xoay chuyển càn khôn: kế thừa quan niệm xưa nhưng mạnh mẽ và quyết liệt hơn.
- Câu hỏi tu từ, giọng điệu tự tin rắn rỏi.
→ Tuyên ngôn về chí làm trai: tự tin khẳng định mình, ngạo nghễ, thách thức với càn khôn.

2. Hai câu thực: Ý thức trách nhiệm cá nhân

- Ý thức trách nhiệm của cái tôi cá nhân trước thời cuộc, không chỉ là trách nhiệm trước hiện tại mà còn trách nhiệm trước lịch sử dân tộc.
- Khẳng định khát vọng sống, thúc giục động viên kẻ làm trai phải có chí khí quyết tâm
- Câu hỏi tu từ, nghệ thuật bình đối
→ Đó là ý thức sâu sắc thể hiện vai trò cá nhân trong lịch sử: sẵn sàng gánh vác mọi trách nhiệm.

3. Hai câu luận: Quan niệm sống đúng, sống đẹp của kẻ sĩ trước thời cuộc

- Tình cảnh của đất nước: *giang sơn tử hĩ* (non sông đã chết) và đưa ra ý thức về lẽ vinh nhục gắn với sự tồn vong của đất nước, dân tộc.

- Đề xuất tư tưởng mới mẻ, táo bạo đối với nền học vấn cũ: *tụng diệc si*

- Nhân hóa, phép đối, nhịp thơ

→ Ý tưởng cách tân này có được từ tinh thần yêu nước và khát vọng tìm đường đi mới cho dân tộc: khí phách táo bạo, quyết liệt của một nhà cách mạng tiên phong thời đại mới.

4. Hai câu kết: Tư thế và khát vọng buổi lên đường

- Hình ảnh kì vĩ *trường phong, Đông Hải, thiên trùng, bạch lãng*: lãng mạn, hào hùng

- Con người là trung tâm, hoài bão lớn lao, được chấp cánh bay cao *nhất tề phi*

→ Hình tượng thơ kì vĩ, lãng mạn đã chấp cánh cho khát vọng cao đẹp trong buổi lên đường.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung

- Hình tượng đẹp về một nhà nho tiến bộ đầu thế kỉ XX với lí tưởng cứu nước, khát vọng chiến đấu vì độc lập dân tộc.

- Bài thơ có ý nghĩa động viên khích lệ thế hệ thanh niên mọi thời đại.

2. Nghệ thuật

- Thể thơ thất ngôn bát cú

- Giọng điệu hăm hở, đầy nhiệt huyết

- Ngôn ngữ thơ bình dị mà có sức lay động mạnh mẽ

HẦU TRỜI (Tản Đà)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: Tản Đà (1889-1939)

- Tên thật Nguyễn Khắc Hiếu, sinh ra và lớn lên trong buổi giao thời
- Phong cách thơ: Lãng mạn, bay bổng, vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương ưu ái. Có thể xem thơ văn ông như gạch nối giữa hai thời kì văn học: trung đại và hiện đại.

2. Tác phẩm:

- *Hầu trời* trích trong tập *Còn chơi* (1921)
- Bài thơ ra đời vào thời điểm khuynh hướng lãng mạn đã khá đậm nét trong văn chương thời đại. Xã hội thực dân nửa phong kiến tù hãm, u uất, đầy rẫy những ngang trái, xót đau...

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Giới thiệu câu chuyện:

- Câu chuyện xảy ra vào *đêm qua*, một giấc mơ được lên cõi tiên
 - Nhân vật trữ tình là tác giả, đang mang tâm trạng *chẳng phải hoảng hốt, không mơ màng*
 - Điệp từ, câu cảm thán, câu khẳng định
- Với cách vào chuyện độc đáo có duyên đã làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn.

2. Thi nhân đọc thơ cho trời và chư tiên nghe:

a. Thái độ của thi nhân khi đọc thơ và việc thi nhân nói về tác phẩm của mình:

- Thi nhân đọc rất cao hứng, sáng khoái và có phần tự đắc
 - Thi nhân kể tường tận, chi tiết về các tác phẩm của mình
 - Giọng đọc: đa dạng, hóm hỉnh, ngông nghênh có phần tự đắc
- Ý thức về tài năng văn thơ của mình, táo bạo, dám đường hoàng bộc lộ “cái tôi” cá thể. Ông cũng rất “ngông” khi tìm đến trời để khẳng định tài năng. Đây là niềm khát khao chân thành.

b. Thái độ của người nghe: Rất ngưỡng mộ tài năng thơ văn của tác giả:

- Thái độ của trời: khen rất nhiệt thành
- Thái độ của chư tiên: xúc động, hâm mộ và tán thưởng...

→ Cả đoạn thơ mang đậm chất lãng mạn và thể hiện tư tưởng thoát li trước cuộc đời.

3. Thi nhân trò chuyện với trời:

a. Thi nhân kể về hoàn cảnh của mình:

- Thi nhân kể họ tên, quê quán: khẳng định cái tôi cá nhân.
- Thi nhân kể về cuộc sống: nghèo khó, túng thiếu, thân phận nhà văn bị rẻ rúng.

→ Qua đoạn thơ tác giả đã cho người đọc thấy một bức tranh chân thực và cảm động về chính cuộc đời mình và cuộc đời nhiều nhà văn nhà thơ khác: Cảm hứng hiện thực.

b. Trách nhiệm và khát vọng của thi nhân:

- Nhiệm vụ trời giao: truyền bá thiên lương
- Thi nhân khát khao được gánh vác việc đời

→ Lãng mạn chứ không hoàn toàn thoát ly cuộc sống. Ông vẫn ý thức về nghĩa vụ, trách nhiệm đối với đời: cảm hứng lãng mạn và cảm hứng hiện thực đan xen khăng khít.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung:

- Bài thơ thể hiện cái tôi cá nhân nông nghênh, hào hoa và cái tôi cô đơn, bế tắc.
- Nhà thơ đã tìm được hướng đi đúng đắn để khẳng định mình.

2. Nghệ thuật:

- Cách kể chuyện hóm hỉnh, có duyên. Ngôn ngữ thơ tinh tế, gợi cảm, không cách điệu, ước lệ.

- Thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do... Cảm xúc bộc lộ tự nhiên, phóng túng.

VỘI VÀNG (Xuân Diệu)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: Xuân Diệu (1916 - 1985)

- Là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới.
- Là nghệ sĩ, nhà văn hóa lớn có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp văn học phong phú

2. Tác phẩm: Xuất xứ: In trong tập *Thơ thơ* (1938)

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Nhà thơ bộc lộ tình yêu thiết tha với cuộc sống - thiên đường trần gian (13 câu đầu)

a. 4 câu đầu: mở đầu nhà thơ xưng ‘tôi’ để đối thoại với mọi người và dùng một khổ ngũ ngôn để thể hiện một cái tôi thèm yêu, khát sống.

- Nội dung: cái tôi ấy đã thể hiện khát vọng mãnh liệt: níu giữ thời gian
 - o giữ mãi cái đẹp cho vạn vật
 - o để tận hưởng tối đa cuộc sống
- Nghệ thuật:
 - o nghệ thuật điệp
 - o động từ mạnh
 - o hình ảnh thơ

Nhà thơ bộc lộ một cái tôi trẻ trung, cuồng nhiệt, đắm say tận hưởng cuộc sống.

b. Khổ thơ tự do (9 câu): nhà thơ bộc lộ niềm ngây ngất trước thiên đường trần gian

- Khu vườn mùa xuân qua cái nhìn đắm say của Xuân Diệu đẹp như thiên đường (câu 5-8)
 - o Thiên đường ấy vừa quen vừa lạ: vì đó là cuộc sống trần thế, nhưng đầy sức sống dạt dào.
- Dường như nhà thơ muốn nói với chúng ta “thiên đường không ở đâu xa, thiên đường ngay trên mặt đất”.
- o Cách tân nghệ thuật: nhịp thơ, thủ pháp trùng điệp, cú pháp đảo...

→ Cuộc sống đã được ông cảm nhận một cách tinh vi do ảnh hưởng của thơ tượng trưng Pháp, qua đó ông bộc lộ một cái tôi yêu đời đầy khát khao tận hưởng.

- Xuân Diệu đã đón nhận cuộc sống bằng niềm yêu háo hức, khiến cuộc sống trở nên trẻ trung (câu 9-13):

- Vẻ đẹp của thiên đường trần thế ấy là do lòng yêu của con người tạo ra (câu 9-11):
 - + Chuẩn mực cái đẹp của Xuân Diệu là con người, hoàn toàn khác với thơ xưa
 - + Nhà thơ đã cảm nhận: được sống là niềm vui.
 - + Lối so sánh của Xuân Diệu tuy táo bạo: *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần* đã đem đến một cảm giác mới lạ về thiên nhiên: cảm giác của ái ân tình tự.

→ Tình yêu cuộc sống mãnh liệt của nhà thơ.

→ Cái nhìn ấy của Xuân Diệu đã làm cho thiên nhiên, đặc biệt là mùa xuân hiện lên thật mới mẻ, trẻ trung.

- Nhà thơ tìm một giải pháp để tận hưởng tối đa cuộc sống (câu 12-13)
 - + Dấu chấm đặt giữa dòng thơ
 - + Quan niệm thời gian tuyến tính

→ Nên ông phải chạy đua với thời gian, phải vội vàng tận hưởng những gì mà cuộc đời ban tặng.

→ Giúp ta hiểu đúng giá trị của cuộc sống.

2. Nỗi băn khoăn, hoài nghi và chán nản của thi nhân do nhận ra cái hữu hạn của đời người trước sự chảy trôi của thời gian (câu 14-29):

a. Quan niệm mới mẻ về thời gian (câu 14-24):

- Quan niệm về thời gian của Xuân Diệu hoàn toàn khác với người xưa: thời gian tuyến tính

- Xuân Diệu đã say sưa tranh luận về thời gian qua bước đi của mùa xuân:

Xuân đương tới..... tiếc cả đất trời

- Nhà thơ luôn nhìn thấy trước cái chung cuộc của vạn vật:
 - + Kiểu câu lặp cấu trúc
 - + Điệp ngữ: *nghĩa là*

→ Thể hiện sự thảng thốt, lo lắng, u uất của thi nhân trước hiện thực.

- Nhà thơ đối lập khát vọng sống của con người với cuộc đời:
 - + Cách diễn đạt đối lập mạnh mẽ
 - + Từ láy: *bâng khuâng*

- Xuân Diệu đã cảm nhận về thời gian đầy tính mát mẻ:

Mùi tháng năm...tiễn biệt

- + Xuân Diệu đã phát huy sự tương giao các giác quan của lối thơ tượng trưng Pháp nên ông đã cảm nhận thời gian vô cùng tinh vi: *vị chia phôi*
- + Vì thế khắp không gian: *sông núi* đều là lời thở than *tiễn biệt*

→ Do mỗi một sự vật thiên nhiên đều đang ngậm ngùi tiễn biệt một phần đời của chính nó theo dòng chảy thời gian.

b. Dòng chảy thời gian đã khiến thiên đầy sức sống bước vào độ tàn phai không gì tránh khỏi (câu 25-29):

- Nhà thơ như thấy hình ảnh của cuộc sống đều đang tiếc nuối, ngậm ngùi cho giờ phút chia phôi:

- Nghệ thuật nhân hóa
- Câu hỏi tu từ

→ Tâm trạng của thi nhân đầy hoài nghi, băn khoăn và thật nặng nề, chán nản trước sự phai tàn của thiên nhiên.

- Đem đến cho nhà thơ nỗi hụt hẫng và chán nản: thể hiện qua dấu chấm than

→ Cách cảm nhận thời gian và cuộc sống của Xuân Diệu xuất phát từ một cái tôi yêu đời muốn bám riết lấy cuộc sống trần gian để tận hiến và tận hưởng

→ Giúp chúng ta biết quý trọng cuộc sống và biết làm cho mỗi phút giây của cuộc đời mình tràn đầy ý nghĩa.

3. Lời giục giã và hành động vội vàng tận hưởng cuộc sống của Xuân Diệu: (câu 30-hết)

a. Mở đầu đoạn thơ là lời giục giã: thi nhân tự xác định thái độ sống gấp gáp để tận hưởng vì nhận ra sự hữu hạn của cuộc đời.

b. Những cảm xúc của nhà thơ càng lúc càng mãnh liệt, những ham muốn càng lúc càng cuồng nhiệt:

Ta muốn ôm

.....

Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi

- Nhà thơ đã sống thật khấn trương mỗi phút giây của tuổi xuân để tận hưởng thật đã đầy hương sắc trần thế: từ xưng **tôi** nhà thơ chuyển sang xưng **ta**
 - Thi nhân đã tìm đến sự cách tân nghệ thuật mới mẻ và táo bạo:
 - o Nhịp điệu: dồn dập, sôi nổi, hối hả
 - o Cách sử dụng ngôn từ khá đặc biệt qua nghệ thuật điệp và liệt kê:
 - + Sự phong phú bất tận của cuộc đời
 - + Khát khao hưởng thụ của nhà thơ mỗi lúc một mạnh mẽ, cuồng nhiệt.
 - o Hình ảnh thơ càng khiến cuộc sống hiện lên thật tình tứ, quyến rũ:
 - + Hình ảnh được liệt kê dồn dập: đã làm sống lại thời tươi đẹp nhất của thiên nhiên.
 - + Đặc biệt là động từ “cắn” trong câu cuối: đã diễn tả tình yêu tột độ của nhà thơ với cuộc sống
- Xuân Diệu đã tận hiến và tận hưởng cuộc sống thật đã đầy.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung:

- Bài thơ là tuyên ngôn về lẽ sống vội vàng của Xuân Diệu: muốn tận hiến và tận hưởng tối đa cuộc sống trần thế để sống có ý nghĩa nhất cho đời.
- Xuân Diệu đã thể hiện một cái tôi tích cực.
- Bài thơ còn cho thấy quan niệm nhân sinh mới mẻ, tiên bộ của Xuân Diệu về thời gian, tuổi trẻ, tình yêu.

2. Nghệ thuật:

- Bài thơ là sự kết hợp rất tự nhiên giữa mạch lập thuyết và cảm xúc của Xuân Diệu
- Nhưng cấu tứ vẫn rất chặt chẽ, được triển khai thật hệ thống bằng những cách tân của thơ mới.

TRÀNG GIANG (Huy Cận)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: Huy Cận (1919-2005)

- Là nhà thơ lớn, một đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ ảo não.
- Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng triết lí.

2. Tác phẩm:

- *Tràng giang* trích từ tập thơ *Lửa thiêng*
- Hoàn cảnh sáng tác: Vào mùa thu năm 1939 khi đứng trước sông Hồng mênh mông sóng nước.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:

1. Nỗi buồn trước không gian sóng nước mênh mông và cảnh vật nổi trôi, nhỏ bé (khổ 1):

a. Huy Cận yêu thơ Đường nên bài thơ đậm yếu tố cổ điển, nhất là hai câu đầu:

- Tứ thơ cổ điển: hình ảnh.
 - Âm điệu cổ kính: nhan đề
 - Dòng sông: gợi cảm xúc và ấn tượng về một nỗi buồn triền miên trải dài theo cả không gian lẫn thời gian, đặc biệt là cảm xúc trước không gian.
 - o Câu thơ đầu: dòng sông mở ra theo chiều rộng, gợi nỗi buồn vô tận.
 - o Câu thơ thứ hai: dòng sông được mở ra theo chiều dài, gợi nỗi buồn da diết.
 - Cách dùng từ láy của Huy Cận: cấu tứ rất đặc biệt
 - o Buồn điệp điệp: tạo một nỗi buồn vô cùng, vô tận.
 - o Nước song song: nỗi sầu chia ly.
- Nỗi buồn trải dài từ mặt sông, con sóng, đến dòng nước, con thuyền.
- Nghệ thuật đối đã được Huy Cận sử dụng linh hoạt:
 - o Một mặt Huy Cận vẫn phát huy được thế mạnh của thơ Đường, tạo vẻ đẹp hài hòa.
 - o Mặt khác làm cho giọng điệu bài thơ uyển chuyển linh hoạt, tránh được khuôn sáo cứng ngắt trong thơ xưa.

b. Tròng giang tuy đậm yếu tố cổ điển nhưng vẫn mang màu sắc hiện đại về hình ảnh và cảm xúc:

Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng

- Hình ảnh *con thuyền xuôi mái* nhấn mạnh sự chia lìa và cái tôi cô đơn, nên nỗi buồn càng tăng cấp.

- Hình ảnh *củi một cành khô*: càng rõ nét kiếp người lạc loài, phiêu dạt trong dòng đời vô định.

○ Mối mẻ: xuất hiện cái tầm thường, nhỏ nhoi.

○ Hình ảnh *một cành củi khô*: đã tô đậm sự nhỏ bé, đơn lẻ, thiếu sức sống (hình ảnh, số từ...)

→ Thân phận của kiếp người nhỏ bé, cô đơn, lạc loài, vô định giữa dòng đời.

→ Cái tôi cá nhân tự ý thức nên đã làm cho bài thơ mang dấu ấn rõ nét của thơ hiện đại.

2. Nỗi buồn thấm sâu vào không gian vô biên và cảnh vật hoang vắng (khổ 2):

a. Hai câu đầu: Tròng giang là một không gian quạnh quẽ

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu.

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

- Hình ảnh: biểu đạt cái bé nhỏ, cô đơn, hoang vắng:

○ Hình ảnh *cồn nhỏ* gợi buồn mà còn tạo sự vắng vẻ, lạnh lẽo (từ láy kết hợp với nghệ thuật đảo)

○ Hình ảnh *chợ chiều* tạo cảm giác tàn tạ, hiu quạnh, do từ *đâu* có hai cách hiểu:

+ có âm thanh

+ không có âm thanh

→ Cách hiểu nào cũng gợi nỗi buồn và sự tĩnh lặng, vắng vẻ.

→ Thi sĩ như đang cố lắng nghe “tiếng” của sự sống để khuây khỏa nỗi niềm nhưng chỉ cảm nhận được cái mênh mông của vũ trụ và tiếng dội vắng vẻ của cõi lòng, khiến con người cảm thấy bơ vơ, lạc loài nên khao khát giao hòa, giao cảm.

b. Hai câu sau: Không gian tiếp tục được mở ra ở hai câu sau và ta lại bắt gặp hình thức đối xứng ở thơ cổ, nhưng cảm xúc hoàn toàn hiện đại

Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến cô liêu

- Không gian được mở ra theo chiều cao và chiều sâu: *Nắng xuống trời lên sâu chót vót*

o Nghệ thuật đối lập tạo một không gian vô biên: nắng xuống đến đâu, trời lên đến đó

o Cụm từ *sâu chót vót*: không gian được mở ra đến vô cùng

+ đây là sáng tạo của Huy Cận: do cảm giác vũ trụ tinh tế.

+ từ láy *chót vót* là dùng để chỉ độ sâu hun hút, thăm thẳm của bầu trời hoàng hôn do cái nhìn không gian mang lại, để cảm nhận nỗi cô đơn.

→ không gian tâm trạng: lấy cái sâu của đất trời để đo cái sâu trong lòng mình, thể hiện nỗi buồn nhân thế.

- Không gian vô cùng còn được mở ra theo trời rộng, sông dài:

Sông dài trời rộng bến cô liêu

o Gọi ra một *Tràng giang* hiu quạnh đến cơ hồ hoang vắng: nghệ thuật tương phản, khiến con người càng thêm nhỏ bé, cô quạnh, nên không khỏi cảm thấy lạc loài.

o Hình ảnh *bến cô liêu* - bến bờ thân phận: nên cái tôi càng bơ vơ.

→ Hình ảnh đều lẻ loi, hiu hắt, gợi nỗi “sâu vạn cổ”.

3. Nỗi buồn càng được khắc sâu bởi thiên nhiên hoang sơ, nên chủ thể trữ tình càng cô đơn và khát khao niềm giao cảm (Khổ 3):

a. Khung cảnh càng đìu hiu, hoang vắng: con người càng nhỏ bé, lênh đênh

Bèo dạt về đâu hàng nối hàng

- Hình ảnh *cánh bèo* lênh đênh trên dòng tràng giang: cuộc sống vô định, tan tác; câu hỏi tu từ *dạt về đâu*

- *hàng nối hàng* những cánh bèo: đã gợi thân phận nổi trôi của cả một thế hệ thi nhân mất nước.

b. Toàn cảnh trời rộng sông dài tuyệt nhiên không có bóng dáng con người:

Mênh mông không một chuyến đò ngang

Không cầu gọi chút niềm thân mật

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng

- Khung cảnh hoang vắng, thiếu tình người: từ láy, nghệ thuật đảo, phủ định.....

→ tạo một không gian cách biệt, vô cảm.

- Cảnh vật tuy có đổi thay nhưng đều cùng một dáng vẻ: hiu quạnh và làm nổi bật sự nổi trôi, vô định, chia lìa.

→ Trước sự thống trị tuyệt đối của không gian, kẻ lữ thứ xa quê không khỏi cảm thấy cô đơn, chơi vơi lạc loài.

→ Nỗi buồn ở đây còn là nỗi buồn trước cuộc đời vô định của cả thế hệ thi nhân mất nước lúc bấy giờ, nên càng khát khao tình người, tình bạn để chia sẻ, cảm thông.

4. Nhà thơ tìm về tình nước, tình quê để vượt thoát nỗi cô đơn (khổ 4):

a. Hai câu đầu: Huy Cận đã mượn một số cách diễn đạt của thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng biệt của thơ mới và hồn thơ “ảo não” của mình.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc

Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa

- Thiên nhiên mang màu sắc cổ điển: hùng vĩ, tráng lệ nhưng đượm buồn.

o Hình ảnh vào mùa thu: thật đẹp.

o Nhưng động từ *đùn* khiến cảnh vật dù hùng vĩ tráng lệ nhưng vẫn nặng nề.

- Hình ảnh một cánh chim nhỏ bé như chỡ cả *bóng chiều sa*:

o *cánh chim* trong hoàng hôn: tín hiệu thời gian chỉ buổi chiều trong thơ cổ điển.

o Tuy nhiên *cánh chim* trong Thơ mới: thể hiện cái tôi cô độc, nhỏ bé (đối lập với vũ trụ vô hạn).

b. Hai câu sau: Để vượt thoát nỗi buồn và nỗi cô đơn cố hữu, nhà thơ đã tìm về tình nước, tình quê

Lòng quê dợn dợn vời con nước

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà

- Nhà thơ tạo hình ảnh những đợt sóng trải rộng nối nhau lan xa: phù hợp với hệ thống toàn bài.

- Sóng lòng của thi nhân đang lan tỏa, gọi sự tiếp nối điệp trùng
- Tương ứng với nỗi buồn điệp điệp do không gian mênh mông và thân phận vô định của kiếp người.

- Và nỗi buồn ấy gắn với nỗi lòng người xa xứ chạnh nhớ quê nhà:

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà

- Huy Cận đã mượn tứ thơ của Thôi Hiệu đời Đường
- Nhưng Huy Cận hiện đại hơn và sáng tạo hơn: ông không cần ngoại cảnh mà vẫn rung rung nỗi nhớ quê hương thiết tha sâu lắng. Vì lòng nhà thơ vốn sẵn nỗi *sầu vạn cổ* nên nỗi buồn nhớ của Huy Cận là thường trực và mãnh liệt.

→ Ta thấy nỗi nhớ nhà dâng lên như một tiếng gọi tự nhiên nhằm giúp nhà thơ vượt thoát cô đơn của kẻ lữ thứ xa quê.

→ Và đây cũng là nỗi cô đơn lạc loài “thiếu quê hương” của cả thế hệ thi nhân trước cách mạng tháng Tám.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung:

Bài thơ tả cảnh nhưng đi suốt bài thơ là nỗi buồn triền miên vô tận của con người:

- Nỗi buồn riêng của một hồn thơ *áo não*, xa quê.
- Nỗi buồn của cả một thế hệ thi nhân và của cả dân tộc Việt Nam yêu nước, thương dân mà cô đơn bế tắc trước cuộc đời trong những năm trước cách mạng tháng Tám.

2. Nghệ thuật:

- *Tràng giang* mang đậm phong vị cổ điển nên tạo những âm hưởng trang trọng, cổ kính, trầm buồn.
- *Tràng giang* vẫn là một bài thơ hiện đại và rất Việt Nam.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ (Hàn Mặc Tử)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: Hàn Mặc Tử (1912-1940)

- Là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới *Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam* (Chế Lan Viên)

- Thơ Hàn Mặc Tử thể hiện tình yêu đời, yêu người; cấu tứ bên ngoài có vẻ rời rạc nhưng mạch cảm xúc bên trong vô cùng thống nhất; kết hợp giữa hai yếu tố thực - ảo...

3. Tác phẩm:

Đây thôn Vĩ Dạ in trong tập *Thơ điên* (sau đổi tên thành *Đau thương*). Bài thơ được gọi cảm hứng từ bức bưu ảnh cùng lời thăm hỏi của Hoàng Cúc – người mà Hàn Mặc Tử thầm thương trộm nhớ.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Khổ đầu: khu vườn thôn Vĩ tươi sáng trong ánh ban mai

a. Mở đầu bài thơ: là một câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái: bộc lộ tâm trạng tiếc nuối lẫn khát khao được trở về Thôn Vĩ của nhà thơ vừa mãnh liệt vừa xót xa.

b. Ba câu thơ sau: Thôn Vĩ tươi sáng trong nắng ban mai và hài hòa với con người

- Hàn Mặc Tử đã gọi ấn tượng sâu về vẻ đẹp của nắng ban mai trên hàng cau tươi xanh (nghệ thuật điệp, danh từ...)

- Cái nhìn ngỡ ngàng, đầy ngợi khen khu vườn: được bàn tay con người chăm sóc kỹ lưỡng và được ánh nắng ban mai rọi chiếu xuống khi còn đắm sương long lanh đã đem đến cảm giác đơn sơ mà tươi sáng, đầy sức sống và có phần lộng lẫy, hư ảo (nghệ thuật so sánh, từ *mướt*...)

→ Vì đó là cảnh vật trong ký ức, của hoài niệm.

- Con người xuất hiện trong khổ thơ ẩn hiện sau hàng *lá trúc* lòa xòa (hình ảnh lá trúc, mặt chữ điền...):

- Gọi vẻ đẹp phúc hậu, thanh tú và dịu dàng, kín đáo của con người Huế.
- Tâm trạng đầy hi vọng, ước ao về tình yêu và hạnh phúc của nhà thơ.

*** Nhận xét khổ 1:**

- Bức tranh khu vườn thôn Vĩ hiện lên thật trong trẻo: tươi sáng, đầy sức sống, lộng lẫy trong ánh ban mai và hài hòa với vẻ đẹp phúc hậu, dịu dàng, kín đáo của con người.
- Đó là sản phẩm của một tình yêu đời mãnh liệt nhưng vì nhà thơ luôn mặc cảm về số phận đau thương, nên càng tuyệt vọng thì ông càng ao ước, đắm say.

2. Khổ giữa: Cảnh sông Hương trong đêm trăng

a. Hai câu đầu: hình ảnh sông Hương buồn ảo não và hư ảo:

- Hình ảnh: *mây* và *gió* chia lìa đôi ngả (hình ảnh phi lý, nhệch thơ...)
- Dòng sông tĩnh lặng, u buồn như chẳng còn sức sống (nhân hóa, động từ ...)
- Cái nhìn mang mặc cảm chia lìa của tác giả khiến sông Hương vốn tĩnh lặng, nay càng thêm hiu hắt, ảo não đến nao lòng.

→ Qua đó, ta thấy được những đau đớn, giằng xé trong tâm hồn tác giả.

b. Hai câu sau: sông Hương không còn là dòng sông của sóng nước mà tràn ngập ánh trăng nên thật thơ mộng nhưng cũng thật hư ảo

- Hình ảnh thơ kết hợp giữa thực và ảo:
 - *Thuyền ai* không xác định.
 - *bến sông trăng*, con thuyền *chờ trăng* thật thơ mộng nhưng cũng thật mơ hồ.
- Con thuyền vốn có thật trên sông Hương đã trở thành hình ảnh của mộng tưởng, tạo ra một vẻ đẹp lãng mạn, hư ảo.

- Tâm trạng của thi nhân được thể hiện qua ý nghĩa của trăng:

- Vì chỉ có trăng là *vẻ* với tác giả: cho thấy *trăng* là tri kỷ và niềm hy vọng, tin cậy duy nhất của nhà thơ lúc này.
- Và chỉ có yếu tố thời gian *tối nay* là thực, tâm trạng mong ngóng, khắc khoải lẫn hy vọng, khát khao hội ngộ (câu hỏi tu từ, từ *kip*).

*** Nhận xét khổ 2:**

- Do bệnh nan y nên sống với ông là chạy đua cùng thời gian
- Thơ ông đầy niềm yêu đời nhưng cũng đầy đau đớn, vì ông vừa muốn bám riết lấy cuộc sống lại vừa đau khổ vì mặc cảm chia lìa.

3. Khổ cuối: mơ tưởng về hình bóng người con gái Huế và niềm hoài nghi về tình người

a. Hai câu đầu: Hình ảnh người con gái Huế hiện lên thật mộng lung:

- Hình bóng giai nhân thật hư ảo: điệp ngữ kết hợp với động từ *mơ*

- o không gian xa xôi
- o hình ảnh trong mộng tưởng

- Người con gái Huế trong mộng tưởng của nhà thơ thật trinh nguyên nhưng hư ảo: thể hiện qua sắc *trắng* của *áo em*, nghệ thuật cực tả và cái nhìn của tâm tưởng

→ Cảm xúc của thứ tình đơn phương nên khó xác định

→ Hình ảnh cuộc sống hiện lên trong thơ ông đầy hư ảo

b. Hai câu cuối càng thể hiện rõ tâm trạng của thi nhân:

- Hình ảnh *sương khói* có thể hiểu theo hai cách:

- o Vừa là sương khói thực của Huế
- o Vừa là sương khói của chốn hoài niệm

→ Hình ảnh người con gái ấy thật hư ảo và tình người cũng trở nên xa vời.

- Tâm tư của nhà thơ như dồn hết vào câu cuối: *Ai biết tình ai có đậm đà?*

o Câu hỏi tu từ đầy hoài nghi cay đắng

o Nhà thơ đã sử dụng tài tình đại từ *ai* phiếm chỉ: từ thứ nhất là chủ thể thi sĩ, còn từ thứ *ai* thứ hai nghĩa hẹp là *khách đường xa* - người con gái Huế mà nhà thơ thầm yêu, còn nghĩa rộng là tình người.

→ Câu thơ đượm nỗi trống vắng hoài nghi: bao hàm cả hi vọng lẫn khổ đau, do nhà thơ khát khao sống, khát khao yêu nhưng cũng đầy mặc cảm chia lìa.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung:

- Bài thơ vừa là tình quê vừa là tình yêu
- Bức tranh xứ Huế
- Bức tranh tâm cảnh của thi nhân.

2. Nghệ thuật:

Đậm màu sắc siêu thực, kết hợp thực với ảo

MỘ (Hồ Chí Minh)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: Hồ Chí Minh (1890 - 1969)

Là nhà văn, nhà thơ lớn với phong cách độc đáo và sự nghiệp sáng tác phong phú, đặc sắc. (Những bài thơ nghệ thuật hầu hết được viết theo thể tứ tuyệt cổ điển, hàm súc, uyên thâm giàu tính nghệ thuật)

2. Tác phẩm:

- Là bài thứ 31 của tập thơ *Nhật kí trong tù*.
- Sáng tác trên đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo vào cuối thu năm 1942.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đầu: Bức tranh thiên nhiên buổi chiều được Bác cảm nhận trên đường giải lao

a. Cảnh thơ: cảnh núi rừng lúc chiều muộn được Bác cảm nhận tuy đẹp nhưng đượm buồn và mang màu sắc cổ điển

- Khung cảnh thiên nhiên được Bác phác họa bằng vài nét chấm phá của thơ ca cổ nhưng người đọc vẫn cảm nhận được sự chân thật, tự nhiên của cảnh vì là cảnh thực (do hình thức và điểm nhìn cảnh vật)

- Cảnh thực mà vẫn thấm đượm phong vị cổ điển nên thơ mộng, tinh tế:

- o Thi liệu quen thuộc của thơ xưa:

- + Hình ảnh *cánh chim mỏi*

- + Hình ảnh *cô vân* – chòm mây đơn độc

- o Hồ Chí Minh đã sử dụng nghệ thuật cổ điển: lấy động tả tĩnh và lấy điểm vẽ diện.

➔ Cảnh: nên thơ, đượm buồn, đậm chất Đường thi nhưng vẫn gần gũi, tinh tế.

b. Tình thơ: tâm trạng và vẻ đẹp tâm hồn của người tù - người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh.

b.1. Cảnh buổi chiều tương đồng với cảnh ngộ và tâm trạng của Bác - một người tù lữ thứ - trên chặng đường đầy ải:

- Hình ảnh *cánh chim mỏi* tương đồng với cảnh ngộ của Bác: cũng vừa trải qua một chặng đường giải lao khổ nhọc.

- Hình ảnh *chòm mây cô độc* giống tâm trạng của Bác: cô đơn nơi đất khách quê người, xa đồng bào, đồng chí.

b.2. Tâm hồn cao đẹp: yêu thiên nhiên với một sự tự do tuyệt đối về tinh thần

- Tình yêu say đắm của Bác với thiên nhiên cũng là với cuộc sống, được thể hiện bằng cảm quan hiện đại của người chiến sĩ cộng sản.

- nên cánh chim trong thơ Bác gần gũi và hướng về cuộc sống.
- vì với Bác cái đẹp là ở phía sự sống.

→ Chất tình

- Bức tranh thơ còn làm toát lên tinh thần, bản lĩnh kiên cường của người tù chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh.

- Ý chí, nghị lực vượt lên gian khổ
- Phong thái ung dung tự tại, làm chủ hoàn cảnh
 - + Hình ảnh *cánh chim mới* không gợi cảm giác bi thương.
 - + Và hình ảnh *chòm mây tuy cô độc* nhưng vẫn tự do, đầy thanh thản ung dung.

→ Chất thép

2. Hai câu sau: Bức tranh cuộc sống của con người

a. Cảnh thơ: cảnh sinh hoạt của người dân xóm núi lúc đêm tối hiện lên bình dị, ấm áp.

- Bác đã chuyển hướng điểm nhìn về mặt đất.
- Bằng bút pháp tả thực, cận cảnh: Bác đã ghi lại những nét đẹp của người lao động
 - Hình ảnh *cô em xóm núi*: thật trẻ trung, khỏe khoắn, đầy sức sống
 - + đã trở thành chủ thể, thành trung tâm của bức tranh thơ.
 - + gợi được cuộc sống giản dị, vất vả nhưng bình yên, ấm áp của người lao động.
 - Hình ảnh *lò than đã rực hồng*:
 - + nghệ thuật lấy sáng tả tối
 - + nhãn tự *hồng* mang lại ánh sáng và hơi ấm: bức tranh cuộc sống vẻ đẹp ấm áp
 - + nhịp 4/3 (nguyên tác) đã diễn tả rõ sự bùng lên nhanh và mạnh của ngọn lửa

→ Trong thơ Bác, con người lao động luôn là hình ảnh trung tâm, chiếm vị trí chủ thể của bức tranh phong cảnh chứ không bị chìm khuất đi giữa thiên nhiên như trong thơ xưa.

b. Tình thơ:

- Chất tình: Hình ảnh ở hai câu cuối đã giúp ta cảm nhận tấm lòng nhân đạo: yêu thương con người đến quên mình của Hồ Chí Minh.

○ Biện pháp điệp vòng đã diễn tả vòng quay nặng nề của chiếc cối và động tác xay ngô nhíp nhàng của cô gái.

→ Tấm lòng đồng cảm, yêu thương của Bác trước nỗi vất vả của người lao động.

○ Màu *hồng* của lò than rực lên: Hồ Chí Minh đã quên nỗi cô quạnh, mệt mỏi của mình để chung vui với hạnh phúc bình dị, nhỏ bé của người lao động.

→ Từ *hồng* đã làm tỏa sáng tấm lòng yêu thương con người cao cả của Bác

- Hai câu thơ này còn thể hiện niềm lạc quan cách mạng của Hồ Chí Minh, cho thấy tinh thần hiện đại, giàu chất thép của người chiến sĩ Cộng sản:

○ Cảnh ngộ người vẽ tranh là tù nhân đang trên chặng đường giải lao đầy ải.

○ Tâm trạng của Bác từ buồn đến vui và đầy âm hưởng lạc quan. Điều này cho ta thấy tình cảm nhân đạo - yêu con người và chất thép của người chiến sĩ Cộng sản.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung:

- *Mộ* là bức tranh thiên nhiên và bức tranh đời sống con người được Bác thể hiện vừa cô điển vừa hiện đại.

- Chân dung tinh thần cao đẹp của Bác.

2. Nghệ thuật:

Bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa những yếu tố cô điển và hiện đại.

TỪ ẤY (Tố Hữu)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: Tố Hữu (1920 - 2002)

- Là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại.
- Thơ trữ tình – chính trị: thể hiện lẽ sống, lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người Việt Nam hiện đại nhưng mang đậm chất dân tộc, truyền thống.

2. Tác phẩm:

- Được sáng tác tháng 7/1938 khi nhà thơ được kết nạp vào Đảng Cộng sản, bài thơ nằm trong phần *Máu lửa* của tập thơ *Từ ấy*.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Niềm vui sướng say mê của nhà thơ khi bắt gặp lý tưởng Đảng:

1.1. Ảnh hưởng của lý tưởng Đảng đối với con đường đời:

a. Hai câu đầu: bút pháp tự sự

- Sự kiện: nhà thơ được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Đông Dương: nên *Từ ấy* là mốc thời điểm có ý nghĩa quan trọng.

b. Tâm hồn nhà thơ: sung sướng say mê:

- o Hình ảnh ẩn dụ: *nắng hạ* và *mặt trời chân lý*
- o Các động từ mạnh: *bùng* và *chói*

b. Hai câu sau: bút pháp trữ tình lãng mạn, đã diễn tả cụ thể niềm vui sướng vô hạn của ông khi tiếp nhận chân lý cách mạng.

- Hình ảnh so sánh
- Tính từ *đậm* và *rộn*
- Nhịp thơ đa dạng

1.2. Ảnh hưởng của lý tưởng Đảng đối với con đường thơ: Lý tưởng của cách mạng đã đem lại nguồn cảm hứng sáng tạo cho Tố Hữu.

2. Sự chuyển biến trong nhận thức của nhà thơ khi được tiếp nhận lý tưởng Đảng

2.1. Chuyển biến về cuộc đời: quan niệm đúng đắn về lẽ sống.

- Hình thành lối sống chan hòa, gắn bó và đoàn kết với quần chúng cần lao: danh từ, động từ

- Hình thành tình hữu ái giai cấp: ẩn dụ, điệp

→ Chính nhân dân đã giúp nhà thơ tìm được niềm vui và sức mạnh mới.

2.2. Chuyển biến về con đường nghệ thuật: cái tôi của Tố Hữu hướng vào cuộc sống của nhân dân nên không buồn.

3. Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của nhà thơ

3.1. Đường đời:

- Nhà thơ đã hướng vào quần chúng lao khổ bằng tình thương yêu ruột thịt: điệp cấu trúc, đại từ xưng hô

- Tấm lòng đồng cảm xót thương của nhà thơ trước nỗi khổ của nhân dân lao động

○ Hình ảnh

○ Số từ ước lệ...

3.2. Đường thơ: những kiếp người bất hạnh ấy là đối tượng chủ yếu của nền văn học mới.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung:

- Từ ấy thể hiện tình cảm chân thành, niềm vui sướng say mê của người thanh niên yêu nước Tố Hữu khi được giác ngộ lý tưởng Đảng và trở thành người chiến sĩ Cộng sản, đã tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và tình cảm của nhà thơ.

- Từ nhận thức sâu sắc về mối quan hệ gắn bó giữa cá nhân với quần chúng lao khổ, nhà thơ không chỉ tìm thấy lẽ sống mà còn tìm thấy quan niệm sáng tác đúng đắn.

2. Nghệ thuật:

- Bút pháp tự sự kết hợp lãng mạn.

- Ngôn ngữ thơ tinh tế, giàu cảm xúc, hình ảnh tươi sáng, lý tưởng hóa.

- Kết hợp với nhiều biện pháp tu từ

VỀ LUÂN LÝ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA (Phan Châu Trinh)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tác giả: Phan Châu Trinh (1872-1926)

- Chủ trương cứu nước: bất bạo động => tuy không thành công nhưng nhiệt huyết của ông ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào ái quốc đầu thế kỉ XX

- Thơ văn của Phan Châu Trinh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia cứu nước

2. Tác phẩm: (9-11-1925)

- *Thể loại*: văn chính luận

- *Nội dung*: bài diễn thuyết đề cao tác dụng của đạo đức, luân lí, khẳng định phải tìm nguyên nhân mất nước trong việc để mất đạo đức, luân lí truyền thống

- Đoạn trích: *Về luân lí xã hội ở nước ta* trích trong phần 3 của bài *Đạo đức và luân lí Đông Tây* (5 phần)

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Đặt vấn đề: khẳng định nước ta không có luân lí xã hội

- Đặt vấn đề trực tiếp, trực diện, nhấn mạnh và phủ định: nước ta tuyệt nhiên không ai biết đến xã hội luân lí

- Tác giả còn phủ nhận sự ngộ nhận, sự xuyên tạc vấn đề của không ít người

o Quan hệ bạn bè không thể thay cho luân lí xã hội

o Quan niệm Nho gia bị hiểu sai, hiểu lệch

→ Bộc lộ sự uyên bác, sắc sảo và thức thời

2. Phân tích vấn đề: luân lí xã hội ở nước ta

a. Đối chiếu giữa nước ta và Châu Âu

Luân lí xã hội nước ta	Luân lí xã hội Châu Âu
- Không hiểu gì	- Rất thịnh hành và phát triển
- Dẫn chứng: phải ai tai nấy, ai chết mặc ai, cháy nhà hàng xóm bình chân như vại,	- Dẫn chứng: khi người có quyền thế hoặc chính phủ cậy quyền thế, sức mạnh đè

<p>đèn nhà ai nấy sáng, chỉ nghĩ đến sự yên ổn của riêng mình, mặc kệ tai nạn người khác, bắt công cũng cho qua...</p>	<p>nén, áp bức quyền lợi riêng của cá nhân hay đoàn thể thì người ta tìm mọi cách để giành lại sự công bằng.</p>
<p>- Nguyên nhân: <i>dân không biết đoàn thể, không trọng công ích</i></p>	<p>- Nguyên nhân: có đoàn thể, có ý thức sẵn sàng làm việc chung, có trình độ văn hoá, biết nhìn xa trông rộng, có tinh thần dân chủ...</p>

b. Nguyên nhân: giai cấp phong kiến thống trị

- Tham lam, giả dối, vợ vét để bỏ túi riêng
- Không quan tâm đến cuộc sống của nhân dân
- Lo lót để thăng quan tiến chức

→ Dùng nhiều câu cảm thán, điệp cấu trúc và hình ảnh hoán dụ

→ Xót xa trước tình cảnh khốn khổ của người dân, căm ghét giai cấp thống trị của xã hội phong kiến -> tâm lòng yêu nước thiết tha.

3. Nêu giải pháp

- Dân Việt Nam phải có đoàn thể
 - Đẩy mạnh truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong nhân dân
- Giải pháp rõ ràng, ngắn gọn.

III. TỔNG KẾT

Đoạn trích *Về luân lý xã hội ở nước ta* toát lên dũng khí của một người yêu nước: vạch trần thực trạng đen tối của xã hội, đề cao tư tưởng đoàn thể vì sự tiến bộ, hướng về một ngày mai tươi sáng của đất nước. Qua đó, cũng thấy được một phong cách chính luận độc đáo: lúc từ tốn, mềm mỏng, lúc kiên quyết, đanh thép; lúc mạnh mẽ, lúc nhẹ nhàng mà đầy sức thuyết phục.

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA (Hoài Thanh)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: Hoài Thanh (1909 – 1982)

- Là nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại
- Là tác giả của nhiều công trình có giá trị: *Thi nhân Việt Nam, Có một nền văn hóa Việt Nam, ...*

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ: phần cuối của tiểu luận *Một thời đại trong thi ca*
- Đại ý đoạn trích: Đoạn trích nói về tinh thần thơ mới

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Nguyên tắc xác định tinh thần thơ mới:

- Cái khó khi phân biệt thơ cũ và thơ mới:
- Ranh giới giữa thơ mới thơ cũ không phải lúc nào cũng rõ ràng, dễ nhận ra.
- Cả thơ mới và thơ cũ đều có những cái hay, cái dở.

→ *Câu văn giả định, cảm thán, giọng điệu thân mật, gần gũi.*

- Nguyên tắc xác định tinh thần thơ mới:
- Sánh bài hay với bài hay
- Nhìn vào đại thể, không nhìn vào cục bộ.

→ *Quan điểm đánh giá mang tính chất khoa học, khách quan*

2. Tinh thần thơ mới:

Cái Tôi với nghĩa tuyệt đối của cái riêng, cái cá nhân, cá thể

→ *Nghệ thuật so sánh, đối chiếu được kết hợp chặt chẽ với cái nhìn biện chứng, lịch sử.*

3. Bi kịch của cái tôi trong thơ mới:

Nguyên nhân:

Gắn với quan niệm cá nhân -> bị lạc loài, chịu sự rẻ rúng của người đời

- o Thi nhân không còn cốt cách hiên ngang -> đáng thương, tội nghiệp
- o Thiếu một lòng tin đầy đủ vào thực tại -> tìm cách thoát li nhưng rơi vào bi kịch.

→ *Đặt cái Tôi trong cái nhìn lịch sử để xem xét, giọng điệu giàu cảm xúc.*

- Biểu hiện:

- Rên rỉ về cái khổ sở, thảm hại
- Đa dạng, độc đáo

→ Cách trình bày có tính khái quát cao, lập luận logic, chặt chẽ, diễn đạt giàu cảm xúc và có tính hình tượng.

- Cách thoát khỏi bi kịch: dồn tình yêu quê hương trong tình yêu vào tiếng Việt

→ Giọng văn giàu cảm xúc, hình ảnh so sánh tinh tế, chính xác.

III. TỔNG KẾT

Với một nghệ thuật lập luận khoa học, chặt chẽ, thấu đáo và một văn phong tài hoa, tinh tế, giàu cảm xúc, *Một thời đại trong thi ca* đã nêu rõ nội dung cốt yếu của *tinh thần Thơ mới*: Lần đầu tiên chữ *Tôi*, với cái nghĩa tuyệt đối của nó, xuất hiện trong thi ca đồng thời cũng nói lên “cái bi kịch ngấm ngấm trong hồn người thanh niên” hồi bấy giờ.



ĐỀ SỐ 1

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2018-2019

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Hầu hết trên ban công của mỗi ngôi nhà trong thành phố đều có những chậu cây. Chúng ta trồng những chậu cây trên ban công nhà mình để có màu xanh, để chống lại những cơn bão bụi, để chống lại cái nóng hầm hập của mùa hè và để ngắm nhìn nữa. Chiều về, chúng ta tưới cho cây trước rồi mới tắm cho mình. Đêm khuya đi ngủ, có người còn tưới cho cây một lần nữa. Khi xa nhà nhiều ngày trở về, nếu thấy cái cây vàng lá hay có vẻ thiếu nước, chúng ta xót xa, than thở và trách móc những người ở nhà không chăm sóc cái cây.

Quả là chúng ta đối xử với những cái cây trên ban công nhà mình như chăm sóc một sinh linh. Sự thật đúng là thế. Nhưng có một sự thật khác nữa. Một sự thật nực cười và thật tội tệ. Đó là trong khi chúng ta chăm sóc thái quá những cái cây trên ban công nhà mình thì chúng ta lại thì nhau tàn phá những cái cây khác. Chúng ta tàn phá những cái cây trên phố, quanh hồ nước, trong công viên, cạnh những khu di tích văn hóa hay lịch sử... cho đến phá cả những khu rừng nguyên sinh hàng ngàn hecta.

Chúng ta đang sống một lối sống ích kỷ, vô trách nhiệm và thiếu hiểu biết. Chúng ta tưởng rằng chặt một cái cây, lấp một hồ nước, đầu độc một con sông, tàn phá một cánh rừng... chẳng hề ảnh hưởng gì tới cái cây trên ban công hay bình nước trong bếp nhà chúng ta. Nhưng khi chúng ta yên trí ngủ say trong ngôi nhà của mình với lòng tin rằng đó

là một pháo đài bất khả xâm phạm, thì linh hồn của những cái cây đã chết, linh hồn của những hồ nước bị lấp, linh hồn của những con sông bị đầu độc... đêm đêm trở về bay trên giấc ngủ chúng ta và nói: Các người đang tàn lụi và đang trở thành những kẻ điên rồ.

(Trích *Có một kẻ rời bỏ thành phố*, Nguyễn Quang Thiều, NXB Hội Nhà văn, 2012, trang 127)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Sự thật nực cười và tội tệ mà tác giả đề cập trong văn bản trên là gì? (0,5 điểm)

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về từ *linh hồn* mà tác giả sử dụng để nói về *những cái cây đã chết, những hồ nước bị lấp, những con sông bị đầu độc*? (1,0 điểm)

Câu 4. Văn bản trên mang đến thông điệp gì? Bản thân anh/chị sẽ có những hành động cụ thể nào để hưởng ứng thông điệp ấy? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích hai khổ đầu của bài thơ *Từ ấy* (Tố Hữu) để thấy được niềm vui sướng say mê và những chuyển biến trong nhận thức của nhà thơ khi được tiếp nhận lý tưởng Đảng:

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

.....

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

ĐỀ SỐ 2

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019-2020

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Chúng tôi là những người đàn bà bình thường trên Trái Đất.

Quen với việc nhỏ nhoi bếp núc hàng ngày

Chúng tôi chẳng có tàu ngầm, tên lửa, máy bay

Càng không có hạt nhân nguyên tử

Chúng tôi chỉ có chậu, có nồi, có lửa

Có tình yêu và có lời ru

Những con cò con vạc từ xưa

Vẫn lặn lội bờ sông bắt tép

Cuộc sống vẫn ngàn đời nối tiếp

Như trăng lên hoa nở mỗi ngày...

...

Buổi sớm mai wóm bước chân mình lên vết chân trên cát

Bà mẹ đã cho ra đời những Phù Đổng Thiên Vương

Dẫu là nguyên thủ quốc gia hay là những anh hùng

Là bác học... hay là ai đi nữa

Vẫn là con của một người phụ nữ

Một người đàn bà bình thường, không ai biết tuổi tên.

(Thơ vui về phái yếu, Xuân Quỳnh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra và cho biết hiệu quả nghệ thuật của 02 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn sau: *Chúng tôi chỉ có chậu, có nồi, có lửa/ Có tình yêu và có lời ru.* (1,0 điểm)

Câu 3. Theo nội dung văn bản trên, người phụ nữ có vai trò quan trọng như thế nào? (0,5 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, làm thế nào để phát huy vai trò của người phụ nữ trong xã hội hiện nay? Hãy trình bày ngắn gọn suy nghĩ của mình trong khoảng 5-7 dòng. (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích vẻ đẹp hình tượng nhân vật Huân Cao trong tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

ĐỀ SỐ 3

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2019-2020

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

[1] *Tôi đã từng gặp nhiều bạn đã tốt nghiệp đại học, nhưng chỉ đơn thuần là thợ học, thợ thi, cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, chẳng hiểu mình muốn gì, thích gì, và thế là cũng chẳng biết chọn nghề đúng, chọn người yêu đúng, chọn chồng chọn vợ đúng được.*

[2] *Em đã từng bao giờ đặt ra cho mình câu hỏi: “Tôi là ai?” Hình như ở những vùng đất mới, giữa những người xa lạ, giữa những công việc khác thói quen thường ngày, ta dễ nhìn thấy mình rõ hơn. Do vậy, những chuyến đi, không chỉ là cuộc du hành tìm hiểu thế giới bên ngoài, mà quan trọng hơn là tìm hiểu ngược vào thế giới bên trong của chính mình!*

[3] *Đi là để tới, tới những góc ngách bí ẩn sâu trong trái tim em. Đi để hiểu được đam mê của mình. Đi để bao dung hơn, rộng lượng hơn trong đánh giá người khác, đi để chấp nhận những khác biệt, và mình có quan điểm đa chiều hơn trong nhìn nhận vấn đề.*

(Trích *Ai cũng xứng đáng được hạnh phúc*, Thu Hà, NXB Văn học, 2018, trang 71)

Câu 1. Theo tác giả, những bạn trẻ đã tốt nghiệp đại học nhưng *chỉ là thợ học, thợ thi, cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy* có thể đối mặt với hệ quả nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *Hình như ở những vùng đất mới, giữa những người xa lạ, giữa những công việc khác thói quen thường ngày, ta dễ nhìn thấy mình rõ hơn.* (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp điệp cấu trúc và liệt kê được sử dụng trong đoạn [3] (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: *Đi để hiểu được đam mê của mình hay không? Vì sao?* (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Đặc sắc của thơ Tố Hữu thời kì này (Từ ấy) là sự biểu hiện một cách chân thành cái tôi hết sức trong sáng hồn nhiên của một thanh niên khát khao lí tưởng, tự ca hát niềm vui lớn

của mình khi bắt gặp lí tưởng Cộng sản chủ nghĩa và được chiến đấu hi sinh cho lí tưởng ấy. (Nguyễn Đăng Mạnh)

Anh/chị hãy phân tích hai khổ đầu bài thơ ***Từ ấy*** (Tố Hữu) để làm rõ nhận định trên.

ĐỀ SỐ 4

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Bạn có bao giờ ngồi suy nghĩ nghiêm túc về những gì mình thật sự yêu thích? Những gì mình thật sự có khả năng? Những gì mình muốn đạt được trong cuộc sống? Đâu là những trở ngại đối với bạn? Hầu hết mọi người không làm được việc này. Họ chấp nhận những gì “nên” làm, thay vì dành thời gian để tìm hiểu những gì họ “muốn” làm. Mỗi người trong chúng ta yêu thích những thứ khác nhau, lo lắng về những điều khác nhau, có những điểm mạnh, điểm yếu khác nhau, và điểm riêng của từng người. Chúng ta phải để ý đến những điểm này khi tìm điểm giao nhau giữa năng lực và sự yêu thích. Tôi đặt tên cho giao điểm này là “ngọn lửa xanh” - nơi sự đam mê và năng lực giao nhau. Khi ngọn lửa xanh bùng cháy trong chúng ta, nó trở thành một nguồn lực rất mạnh có thể đưa bạn đi bất cứ nơi nào bạn muốn. Theo tôi thì ngọn lửa xanh là sự giao thoa giữa mục tiêu và đam mê dựa trên sự đánh giá thực tế năng lực của mình. Ngọn lửa xanh giúp bạn xác định mục tiêu trong cuộc sống (...). Tôi tin rằng trong tim mỗi người đều có một mục tiêu khác nhau, một mục tiêu có khả năng bùng phát nếu được kích hoạt phù hợp.

(Trích **Đừng bao giờ đi ăn một mình**, Keith Ferrazzi, NXB Trẻ, 2014, tr. 42)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, ngọn lửa xanh là gì? (0,5 điểm)

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ trong câu: “*Mỗi người trong chúng ta yêu thích những thứ khác nhau, lo lắng về những điều khác nhau, có những điểm mạnh, điểm yếu khác nhau, và điểm riêng của từng người*”. (1,0 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, làm thế nào để tìm kiếm được niềm đam mê của chính mình? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày cảm nhận về hình ảnh bà Tú trong bài thơ **Thương vợ** của Trần Tế Xương.

ĐỀ SỐ 5

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tại sao có những người dám vượt lên sự bất hạnh để sống một cuộc đời hạnh phúc theo ý mình trong khi những người khác lại tự buông xuôi, trở thành kẻ bại trận? Merle Shain lý giải điều đó như sau: “Chỉ có hai cách để tiếp cận cuộc sống: là nạn nhân hoặc chiến binh dũng cảm. Bạn phải quyết định chọn cách hành động cho cuộc đời mình...”

Khi chán nản và chấp nhận đầu hàng số phận, nạn nhân sẽ phản ứng lại bằng thái độ oán thán, bi thương nhưng chiến binh thì lại phản ứng bằng hành động, bằng thái độ can đảm để thay đổi hoàn cảnh mà mình đang lâm vào. Người chiến binh cũng có thể bình tĩnh chấp nhận hoàn cảnh và tiếp tục phấn đấu để hướng về phía trước. Người chiến binh sẽ can đảm hành động, dám gánh chịu trách nhiệm để giành lại hạnh phúc của đời mình. Dù có sợ hãi, người chiến binh sẽ không bao giờ bị khuất phục trước tình cảm mềm yếu nhất của con người – đó là cảm giác bất lực. Nạn nhân thường chỉ phản ứng lại trước hoàn cảnh khó khăn, còn người chiến binh thì sẽ hành động.

Tất cả tùy thuộc vào bạn. Bạn sống một cuộc đời trọn vẹn và đầy can đảm, hay sẽ mãi mãi bị ngã gục trước hoàn cảnh khắc nghiệt? Quyết định đúng là một trong những quyết định quan trọng nhất bạn phải làm cho đời mình. Bạn sẽ là một nạn nhân hay một chiến binh dũng cảm?

(Bài học của chú rùa, Steve Goodier)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Anh/Chị hãy cho biết sự khác biệt giữa *nạn nhân* và *chiến binh dũng cảm* trong cách tiếp cận cuộc sống. (1,0 điểm)

Câu 3. Theo anh/chị, vì sao những người *tự buông xuôi, trở thành kẻ bại trận* bị xem là *nạn nhân*? (0,5 điểm)

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: *Quyết định đúng là một trong những quyết định quan trọng nhất bạn phải làm cho đời mình không?* Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích cảnh cho chữ trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

ĐỀ SỐ 6

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Thật ra, cuộc đời ai cũng có lúc không biết nên làm thế nào mới phải. Khi ấy, ba tôi dạy rằng, ta chỉ cần nhớ nguyên tắc sống cơ bản cực kì ngắn gọn: Trước hết hãy tôn trọng người khác. Rồi sau đó, nghe theo chính mình. Hãy tôn trọng. Bởi cuộc đời là muôn mặt và mỗi người có một cuộc sống riêng biệt. Chẳng có cách sống này là cơ sở để đánh giá cách sống kia. John Mason có viết một cuốn sách tựa đề “Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao”. Tôi không biết nó đã được dịch ra tiếng Việt chưa, nhưng đó là một cuốn sách rất thú vị. Nó khiến tôi nhận ra rằng mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng.

Tôi luôn xem nguyên tắc ấy như một đôi giày mà tôi phải mang trước khi ra khỏi nhà. Xỏ đôi giày đó, và đi khắp thế gian, đến bất cứ nơi nào bạn muốn. Con người sinh ra và chết đi đều không theo ý mình. Chúng ta không sinh ra với ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có mà mình muốn chọn lựa. Nhưng chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình. Chúng ta có một cơ hội duy nhất để sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu. Bạn biết mà, cơ hội đó chính là cuộc đời này – một chớp mắt so với những vì sao. Bởi thế, đừng để mình cứ mãi xoay theo những tiếng ồn ào khác, hãy lắng nghe lời thì thầm của trái tim.

(Trích *Lắng nghe lời thì thầm con tim*, Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0.5 điểm)

Câu 2. Nêu tác dụng của biện pháp so sánh được tác giả dùng trong câu: *Tôi luôn xem nguyên tắc ấy như một đôi giày mà tôi phải mang trước khi ra khỏi nhà.* (0.5 điểm)

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu nói: *Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao*” (1.0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến của tác giả: *Chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình?* Vì sao? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về quá trình thức tỉnh và bị kịch bị từ chối quyền làm người của Chí Phèo trong tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao.

ĐỀ SỐ 7

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Năm tháng qua đi, bạn sẽ nhận ra rằng ước mơ không bao giờ biến mất. Kể cả những ước mơ rồ dại nhất trong lứa tuổi học trò – lứa tuổi bất ổn định nhất. Nếu bạn không theo đuổi nó, chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dẫn vật bạn mỗi ngày. Lúc ấy, có thể bạn sẽ phải ngậm ngùi mà thốt lên: “Chao ôi, ta đã làm chi đời ta vậy?”

Nếu vậy, sao ta không nghĩ đến điều này ngay từ bây giờ?

Sao ta không ngồi xuống đây trong một ngày cuối năm và tìm kiếm câu trả lời từ đáy tim mình: Ta muốn làm gì? Ta muốn sống ra sao? Ta muốn trở thành ai trong cuộc đời này? Ta muốn làm chi đời ta?

Sống một cuộc đời cũng như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng, thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu sắc mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn.

Dan Zadra viết rằng: “Đừng để ai đánh cắp giấc mơ của bạn”. Vậy thì hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim ta đó, như một ngọn núi lửa chờ đợi được đánh thức...

(*Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, Phạm Lữ Ân, NXB Hội Nhà văn)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên. (0.5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra 02 phép liên kết và phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn văn thứ nhất. (0.5 điểm)

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến: *Đừng để ai đánh cắp giấc mơ của bạn*? (1.0 điểm)

Câu 4. *Ước mơ cháy bỏng nhất* của anh/chị là gì? Anh/chị sẽ làm gì để biến ước mơ đó thành hiện thực? Trình bày trong khoảng từ 7 đến 10 dòng. (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của cảnh và tâm hồn Hồ Chí Minh qua bài *Chiều tối* (*Mộ*).

ĐỀ SỐ 8

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Hãy nhớ điều quan trọng nhất: không phải vì bạn thất bại một lần mà cả cuộc đời bạn trở thành kẻ thất bại. Bạn thất bại không phải vì bạn có nhiều khuyết điểm hay thua kém người khác. Thất bại chỉ là một bài học đáng quý để bạn nhận ra rằng mình đã chọn sai cách tiếp cận để đạt được thứ mình muốn. Vì vậy, sau khi thất bại bạn hãy bình tĩnh tự hỏi: “Thất bại lần này đã đem lại bài học gì cho mình?” Phải tìm được câu trả lời rõ ràng về nguyên nhân thất bại bạn mới có thể trưởng thành hơn. Nếu thiếu quá trình này, khả năng bạn gặp lại thất bại tương tự sẽ rất lớn.

Đừng quên rằng thất bại là điều mà ai cũng sẽ phải trải qua và những lần ném trái thất bại chính là những cơ hội quý báu để bạn tích lũy kinh nghiệm cuộc sống, từ đó giúp bản thân trở nên thận trọng và thông thái hơn. Tôi sẽ luôn ủng hộ thất bại của bạn.

(Yêu những điều không hoàn hảo, Hae Min)

Câu 1. Xác định phép liên kết và từ ngữ liên kết được sử dụng trong hai câu sau: *Bạn thất bại không phải vì bạn có nhiều khuyết điểm hay thua kém người khác. Thất bại chỉ là một bài học đáng quý để bạn nhận ra rằng mình đã chọn sai cách tiếp cận để đạt được thứ mình muốn.* (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, làm thế nào để trưởng thành hơn sau khi thất bại? (0,5 điểm)

Câu 3. Theo anh/chị, vì sao những lần ném trái thất bại chính là những cơ hội quý báu để bạn tích lũy kinh nghiệm cuộc sống? (1,0 điểm)

Câu 4. Kể lại ngắn gọn một lần ném trái thất bại của bản thân anh/chị. Cho biết cảm xúc và những bài học mà anh/chị đã rút ra sau lần thất bại ấy. Trình bày trong khoảng từ 7 đến 10 dòng. (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích bài thơ *Từ ấy* của Tố Hữu để thấy được *cái tôi hết sức trong sáng hồn nhiên của một thanh niên khát khao lí tưởng, tự ca hát niềm vui lớn của mình khi bắt gặp lí tưởng Cộng sản chủ nghĩa và được chiến đấu hi sinh cho lí tưởng ấy.*

ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Đứng lên em, đừng ngồi buồn như thế
Vững bước đi đến chân trời ước mơ
Trời cho em hình hài không trọn vẹn
Đời cho em một tình yêu ngọt ngào*

*Cười đi em cho vui bớt thương đau
Khóc đi em cho niềm vui rửa tội
Nụ cười nào xua bóng đêm u tối
Giọt lệ nào hạnh phúc nhất trên đời*

*Nói đi em, lời nào hồn nhiên nhất
Và nói rằng cuộc đời đẹp hơn mơ
Bình minh về cuộc đời em ấm lại
Đây quê hương cho em trọn vãn thơ!*

(*Lời thầy cho em*, Nguyễn Văn Thanh)

Câu 1. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau: *Trời cho em hình hài không trọn vẹn / Đời cho em một tình yêu ngọt ngào.* (0,5 điểm)

Câu 2. Theo văn bản, vì sao tác giả khuyên nhân vật em: *Đứng lên em, đừng ngồi buồn như thế?* (0,5 điểm)

Câu 3. Anh/chị hãy cho biết thái độ và tình cảm của tác giả đối với cuộc đời qua khổ thơ cuối. (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến *cuộc đời đẹp hơn mơ* hay không? Hãy nêu 02 lí do để bảo vệ quan điểm của mình. (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Quan niệm sống của Xuân Diệu là sống phải hoạt động, phải nhiệt thành. Ông yêu đến cuồng nhiệt sự sống, cuộc sống... (Nguyễn Thị Hồng Nam).

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài **Vội vàng** của Xuân Diệu để làm rõ nhận định trên:

Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm

...

- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

(Trích **Vội vàng**, Xuân Diệu, *Ngữ văn 11*, tập 2, NXB Giáo dục, 2016)

ĐỀ SỐ 10

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Thời gian có thể chữa lành mọi vết thương, chấn chỉnh mọi sai sót, và biến mọi lỗi lầm thành tài sản. Song, nó chỉ thích chơi với những ai có thể giết chết sự trì hoãn và biết hướng đến các mục tiêu cụ thể với mục đích rõ ràng. Cứ mỗi giây phút trôi qua, khi đồng hồ gõ đều để rút dần khoảng cách là khi thời gian đang chạy đua với từng người. Trì hoãn đồng nghĩa với thất bại, bởi không ai có thể lấy lại được thời gian đã mất – dù chỉ một giây.

Hãy tiến về phía trước với sự quả quyết và đúng lúc, rồi thời gian sẽ yêu mến bạn. Nếu bạn lưỡng lự hay đứng yên, thời gian sẽ loại bạn ra khỏi cuộc chơi. Cách duy nhất để tiết kiệm thời gian là sử dụng nó một cách khôn ngoan. Hãy cho tôi biết bạn sử dụng thời gian nhàn rỗi như thế nào và tiêu tiền ra sao, tôi sẽ cho bạn biết mười năm nữa bạn là ai và đang ở đâu.

Ngày hôm nay là ngày quan trọng nhất. Đừng chờ đợi ngày mai. Hãy sống trọn vẹn cho hôm nay. Đừng để sự lo lắng, thất vọng, tức giận hay hối hận... xuất hiện trong ngày hôm nay của bạn. Tất cả đều đã thuộc về quá khứ hoặc chỉ xảy đến trong tương lai. Hãy làm việc thật nghiêm túc và sống có trách nhiệm với chính cuộc sống của mình.

(Trích ***Không gì là không thể***, George Matthew Adams, Thu Hằng dịch)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Theo tác giả, ý nghĩa của thời gian được đề cập đến trong văn bản trên là gì?

Câu 3. Theo anh/chị, căn cứ vào đâu mà tác giả dám quả quyết: *Hãy cho tôi biết bạn sử dụng thời gian nhàn rỗi như thế nào và tiêu tiền ra sao, tôi sẽ cho bạn biết mười năm nữa bạn là ai và đang ở đâu?*

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với quan điểm: *Ngày hôm nay là ngày quan trọng nhất không?*
Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích bức tranh thiên nhiên và nỗi niềm tâm trạng của nhà thơ Huy Cận qua hai khổ thơ đầu trong bài *Tràng giang* (trích *Lửa thiêng* - Huy Cận).



ĐỀ SỐ 1

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) “Thích ứng hay là chết” trở thành yêu cầu bức bách, song phẳng và khất khe trong bối cảnh thiên tai, dịch họa ập đến (cụ thể ở đây là dịch COVID-19 biến chủng Delta) buộc ta phải lựa chọn thay đổi để... thích nghi!

(2) Nhưng cũng cần nên hiểu một cách tích cực là: Sự thích nghi, thay đổi lúc này vừa là sự chủ động để bảo vệ bản thân, cộng đồng, đồng thời cũng là sự phản kháng, chống chọi lại virus, “tấn công” lại virus để tồn tại! Vì vậy đòi hỏi lòng dũng cảm, sự bền bỉ của tất cả mọi người. Đòi hỏi sự rèn luyện, xây dựng thói quen thích nghi. Khi tâm thế chủ động thích nghi thì ta không bị bất ngờ, hoang mang... và dễ dàng đưa ra những cách thức để ứng phó. Chủ động thích nghi chính là bản năng cần thiết và quan trọng.

(3) Sự thích nghi không chỉ có trong thói quen, sở thích, lao động, việc làm... mà còn có cả “sự thích nghi trong ý thức, tình cảm, tình yêu thương giữa người với người”. Chúng ta từng chứng kiến rất nhiều sự sẻ chia, giúp đỡ, thiện nguyện. Không ai bảo ai, vậy mà ATM gạo mọc lên, quán cơm từ thiện mọc lên, quầy rau 0 đồng mọc lên... Rồi bao nhiêu bạn trẻ là đoàn viên - thanh niên tình nguyện và những người thiện nguyện không tên khác... sẵn sàng giúp đỡ bất kể điều gì khi bà con cần, bà con thiếu! Tất cả hành động, việc làm ấy đều xuất phát từ tấm lòng “thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách...” tự nhiên trỗi dậy - phải chăng đây chính là “sự thích nghi của tình dân tộc, nghĩa đồng bào” của người dân Việt trong hoạn nạn, khó khăn?!...

(Trích **Dịch Covid 19 và sự thích nghi**, NNK, <https://www.baobaclieu.vn>)

Câu 1. Theo tác giả, tại sao con người cần phải thích nghi, thay đổi trong hoàn cảnh dịch bệnh? (0,5 điểm)

Câu 2. Hãy xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được dùng trong đoạn văn (3) (1,0 điểm)

Câu 3. Hãy chỉ ra các phép liên kết được dùng trong đoạn văn (2). (0,5 điểm)

Câu 4. Anh/chị sẽ làm gì để thích nghi với cuộc sống bình thường mới sau đại dịch này? (1,0 điểm)

ĐỀ SỐ 2

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Hãy thử dù có thất bại, nhưng đừng thất bại vì chưa bao giờ thử. Làm không được thì làm lại. Làm chưa tốt thì tìm cách làm tốt hơn. Thất bại không đại diện cho giá trị con người của bạn. Thật ra, bạn không dám dấn thân vì bạn đang ở trong vùng an toàn, thử mà thất bại thì sợ mất mặt. Nhưng chẳng lẽ chỉ vì sợ vấp ngã mà ngồi lì đó không làm gì? Người thành công ai lại chẳng từng thất bại? Vậy mới có chuyện hay để khi thành công rồi kể lại cho đời. Tiểu thuyết cuộc đời mình là do mình viết đấy. Một hay vài chuyện thất bại chỉ làm cho đời nhiều màu sắc hơn, làm cho nhân vật sâu sắc hơn, làm cho câu chuyện đáng giá hơn.

Nên thôi, đừng ngồi đó mà trăn trở nữa. Không có bước đi đầu tiên, không có hành động đầu tiên dù còn rất vụng về thì mới suy nghĩ bòng bong thời gian qua cũng chỉ là dụng binh trên giấy.

(Trích *Mở cửa tương lai*, Nguyễn Phi Vân)

Câu 1. Theo tác giả, vì sao bạn không dám dấn thân? (0,5 điểm)

Câu 2. Anh/chị hãy nêu biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu: *Làm không được thì làm lại. Làm chưa tốt thì tìm cách làm tốt hơn.* (0,5 điểm)

Câu 3. Anh/chị hiểu thế nào về câu nói: *Không có bước đi đầu tiên, không có hành động đầu tiên dù còn rất vụng về thì mới suy nghĩ bòng bong thời gian qua cũng chỉ là dụng binh trên giấy?* (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: *Thất bại không đại diện cho giá trị con người của bạn không? Vì sao?* (1,0 điểm)

ĐỀ SỐ 3

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Các nhà tâm lý học nhận thấy từ trẻ sơ sinh cho đến người trưởng thành đều luôn khao khát mối quan hệ tác động qua lại giữa người với người. Những đứa trẻ không được lớn lên trong tình yêu thương thì khi trưởng thành, dù rất khao khát nhưng vẫn rất khó để có được một đời sống ổn định về cảm xúc. Người trưởng thành cũng gặp những tổn thương tương tự. Thiếu vắng những mối giao lưu thân tình với người khác, tâm hồn chúng ta thường bị lệch lạc.

Thật vậy, cuộc sống của chúng ta được hình thành từ các mối quan hệ khác nhau, là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội. Qua đó, ta nhận thức về thế giới, về bản thân và ngay cả “số phận” của mình: Những người có mối quan hệ tốt đẹp với người khác thì mau trưởng thành hơn, sống hạnh phúc hơn, tâm hồn trở nên rộng rãi hơn. Linh mục Thomas Merton đã từng viết: “Tâm hồn của chúng ta cũng giống như các vận động viên, luôn cần có đối thủ ngang sức ngang tài để thể hiện đầy đủ sức mạnh của mình”. Các cơ bắp sẽ trở nên yếu đi nếu không được luyện tập thường xuyên và đầy đủ. Tâm hồn của bạn cũng như thế! Và cách luyện tập tuyệt vời nhất là hãy biết chia sẻ và làm điều tốt cho người khác những khi có thể.

(Trích **Cho đi là còn mãi**, Azim Jamal & Harvey McKinno)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?

Câu 2. Chỉ ra và nêu hiệu quả biện pháp tu từ trong câu: *Tâm hồn của chúng ta cũng giống như các vận động viên, luôn cần có đối thủ ngang sức ngang tài để thể hiện đầy đủ sức mạnh của mình.*

Câu 3. Theo tác giả những người có mối quan hệ tốt đẹp với người khác sẽ đạt được những gì cho bản thân họ?

Câu 4. Anh/chị có đồng ý với tác giả *Thiếu vắng những mối giao lưu thân tình với người khác, tâm hồn chúng ta thường bị lệch lạc* không? Vì sao?

ĐỀ SỐ 4

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

ĐI CHỢ TẾT BÀ HOA - TÂN BÌNH

*Sáng Sài Gòn, đi chợ Tết bà Hoa
Tôi gặp Tết chợ quê ngày nhỏ
Gặp mẹ già ăn trầu môi thắm đỏ
Áo nâu giòn màu lam lũ chân quê*

*Người tí xít mà ngỡ đã từng quen
Nghe giọng nói nhận ra cùng quê kiểng
Chưa gặp người mà đã nghe rõ tiếng
Giọng âm trầm nồng ấm lắm thân thương*

***Tết Sài Gòn mà hương vị Tết quê hương
Mùi bánh thuẫn, bánh rò, bánh nổ
Mùi gừng cay trên quầy hàng bánh tổ
Mùi đặc trưng bánh đặc sản quê mình***

*Gặp anh bạn đồng hương cũng đi chợ Tân Bình
Anh mua cuốn thịt bó mo, một ràng bánh trắng
Một thẩu nông nông hương mắm cái
Anh bảo mua về cho có Tết quê hương*

*Tôi chỉ mua một hộp trâm hương
Về đốt trên bàn thờ cha mẹ
Rước cha mẹ vào với con ba ngày Tết
Con một đời nhưng nhớ Tết quê xa.*

03/02/2021, Vạn Đức Nhất Tâm

Câu 1. Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?

Câu 2. Xác định biện pháp tu từ trong đoạn thơ được in đậm và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.

Câu 3. Hình ảnh người mẹ già hiện lên trong đoạn thơ đầu như thế nào? Qua đó, nhà thơ thể hiện tình cảm của mình ra sao?

Câu 4. Hương vị Tết của người con xa xứ luôn có vị cay nồng da diết, anh/chị có đồng ý với điều này không? Hãy lí giải.

ĐỀ SỐ 5

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

[1] *Giấc mơ của anh hề*
Thấy mình thành triệu phú (...)

[2] *Giấc mơ người hát xẩm nhục nhằn*
Thức dậy giữa lâu đài rục rờ
Thằng bé mồ côi lạnh giá
Thấy trong tay chiếc bánh khổng lồ
Trên đá lạnh, người tù
Gặp bầy chim cánh trắng
Kẻ u tối suốt đời cúi mặt
Bỗng thành thơ đứng dưới mặt trời.

[3] *Giấc mơ đêm cứu vớt cho ngày*
Trong hư ảo người sống phần thực nhất
Cái không thể nào tới được
Đã giục con người
Vươn đến những điều đạt tới
Những giấc mơ êm đềm
Những giấc mơ nổi loạn
Như cánh chim vẫy gọi những bàn tay.

[4] *Đời sống là bờ*
Những giấc mơ là biển
Bờ không còn nếu chẳng có khơi xa...

(Trích ***Giấc mơ của anh hề***, Lưu Quang Vũ)

Câu 1. Trong đoạn thơ trên, tác giả đã ví đời sống và giấc mơ như điều gì?

Câu 2. Anh/chị có nhận xét gì về những giấc mơ được tác giả nhắc đến trong đoạn thơ [1] và [2]?

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung của hai câu thơ:

Giấc mơ đêm cứu vớt cho ngày

Trong hư ảo người sống phần thực nhất?

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với thông điệp của tác giả trong những câu thơ sau? Vì sao?

Đời sống là bờ

Những giấc mơ là biển

Bờ không còn nếu chẳng có khơi xa...

MỤC LỤC

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG (Phan Bội Châu)	1
HẦU TRỜI (Tản Đà)	3
VỘI VÀNG (Xuân Diệu)	5
TRÀNG GIANG (Huy Cận)	9
ĐÂY THÔN VĨ DẠ (Hàn Mặc Tử)	14
MỘ (Hồ Chí Minh)	17
TỪ ẤY (Tố Hữu)	20
VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA (Phan Châu Trinh).....	22
MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA (Hoài Thanh)	24
ĐỀ THAM KHẢO	26
ĐỀ SỐ 1	26
ĐỀ SỐ 2	28
ĐỀ SỐ 3	30
ĐỀ SỐ 4	32
ĐỀ SỐ 5	33
ĐỀ SỐ 6	35
ĐỀ SỐ 7	37
ĐỀ SỐ 8	39
ĐỀ SỐ 9	41
ĐỀ SỐ 10	43
ĐỀ LUYỆN TẬP	45
ĐỀ SỐ 1	45
ĐỀ SỐ 2	47
ĐỀ SỐ 3	48
ĐỀ SỐ 4	49
ĐỀ SỐ 5	51
MỤC LỤC	53